

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên
Ông Lee Sang Seok	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Quân	Thành viên độc lập (bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)
Ông Phó Đức Giang	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Bạch Dương	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đôn Nữ Đức Hiền

Phó Giám đốc

(Thư ủy quyền số 803/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 03 tháng 8 năm 2020)

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Khánh Trình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Số: 0893 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 11 năm 2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 chưa được soát xét.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.332.363.721	114.567.082.191
I. Tiền	110	4	5.228.252.694	7.176.839.430
1. Tiền	111		5.228.252.694	7.176.839.430
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	115.300.774.155	64.113.354.335
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		115.300.774.155	64.113.354.335
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.444.123.238	43.228.575.244
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	64.589.009.322	38.656.664.455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.679.266.036	3.657.153.708
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.323.866.176	1.466.779.900
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(648.018.296)	(552.022.819)
IV. Hàng tồn kho	140		23.287.821.704	-
1. Hàng tồn kho	141	10	23.287.821.704	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.391.930	48.313.182
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	71.391.930	4.039.700
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	44.273.482
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.660.213.429	65.986.045.331
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.247.472.980	597.127.500
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	500.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	40.747.472.980	597.127.500
II. Tài sản cố định	220		4.584.750.682	5.641.092.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.584.750.682	5.641.092.094
- Nguyên giá	222		12.152.150.636	12.152.150.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.567.399.954)	(6.511.058.542)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	45.855.616.468	8.504.095.553
- Nguyên giá	231		45.855.616.468	8.504.095.553
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	14.193.965.568
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.193.965.568
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	22.372.763.220	35.146.794.821
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.221.572.080	25.971.572.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.756.000.000	1.756.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.604.808.860)	(4.390.763.748)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	11.809.986.489
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.599.610.079	1.902.969.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.599.610.079	1.902.969.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		364.992.577.150	180.553.127.522

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		160.275.556.889	71.312.344.174
I. Nợ ngắn hạn	310		160.275.556.889	71.312.344.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	68.932.954.151	26.602.675.893
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.819.083.859	2.226.273.948
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.443.583.475	7.740.606.141
4. Phải trả người lao động	314		1.248.250.637	3.859.885.730
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	585.249.250	2.420.992.806
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	75.246.435.517	28.461.909.656
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204.717.020.261	109.240.783.348
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	204.717.020.261	109.240.783.348
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.003.330.000	74.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.003.330.000	74.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.678.750.261	35.240.783.348
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		796.743.348	315.172.368
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.882.006.913	34.925.610.980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		364.992.577.150	180.553.127.522

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	228.992.837.667	226.404.415.067	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	738.720.163	-	
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	228.254.117.504	226.404.415.067	
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	185.009.692.735	192.735.500.114	
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	43.244.424.769	33.668.914.953	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.155.931.311	2.148.166.551
7. Chi phí tài chính	22	24	4.247.429.007	140.547.330
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.033.383.895	140.547.330
8. Chi phí bán hàng	25	25	7.964.926.056	6.766.627.349
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.836.202.032	7.077.068.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30	30.351.798.985	21.832.838.520	
11. Thu nhập khác	31	344.762.835	3.044.237	
12. Chi phí khác	32	607.962.503	450.851.601	
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	(263.199.668)	(447.807.364)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	30.088.599.317	21.385.031.156	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	26	6.206.592.404	4.333.677.318
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	23.882.006.913	17.051.353.838	

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.088.599.317	21.385.031.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.056.341.412	990.720.504
Các khoản dự phòng	03	3.310.040.589	435.158.732
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	(239.325.315)	(16.053.903)
Chi phí lãi vay	05	(8.658.536.709)	(2.291.500.798)
	06	1.033.383.895	140.547.330
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.590.503.189	20.643.903.021
Thay đổi các khoản phải thu	09	(49.719.761.171)	(827.018.010)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.287.821.704)	-
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	87.709.940.796	110.411.599
Thay đổi chi phí trả trước	12	236.007.486	76.507.823
Tiền lãi vay đã trả	14	(990.926.633)	(140.547.330)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.168.975.072)	(5.098.794.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.368.966.891	14.764.462.914
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21	(24.693.022.347)	(7.453.090.908)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(369.609.403.315)	(87.113.520.088)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	235.865.996.252	59.364.900.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.098.000.000)	(7.703.238.440)
5. Tiền thu lãi cho vay	27	7.838.119.922	259.678.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.696.309.488)	(42.645.271.169)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	71.594.230.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	164.256.993.041	28.205.324.547
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.472.467.180)	(8.066.633.997)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	118.378.755.861	20.138.690.550
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.948.586.736)	(7.742.117.705)
Tiền đầu kỳ	60	7.176.839.430	11.927.349.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.721.286
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>5.228.252.694</u>	<u>4.186.952.942</u>

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã giao dịch ADG từ ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 145 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 129 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo

3	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4	Công ty TNHH ADOP Việt Nam (i)	Việt Nam	40	100	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
5	Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
8	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động

(i) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty TNHH ADOP Việt Nam, nhưng theo thỏa thuận ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa ADOP Inc. và Công ty, ADOP Inc. đã chuyển toàn bộ quyền biểu quyết tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mình cho Công ty chỉ cho mục đích quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm với thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc tại Công ty TNHH ADOP Việt Nam. Theo đó, do Công ty TNHH ADOP Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty, khoản đầu tư vào Công ty TNHH ADOP Việt Nam được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 chưa được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

010
CÔ
CÔ
CLEVER
NH XU
0-C
TY
TE
AM
P H

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	283.617.894	125.473.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.944.634.800	7.051.365.618
	<u>5.228.252.694</u>	<u>7.176.839.430</u>

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm – 7,3%/năm.

(ii) Phản ánh trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 8,8%/năm – 11,5%/năm.

(iii) Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh, khi các khoản điều chỉnh giá phí hợp nhất kinh doanh trở nên chắc chắn và giá trị điều chỉnh có thể xác định được một cách đáng tin cậy thì khoản xem xét bổ sung sẽ được coi là khoản điều chỉnh vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Trong 9 tháng đầu năm 2020, khoản nghĩa vụ Công ty phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Orion Media với số tiền là 2.148.000.000 VND đã được xác định một cách chắc chắn và đáng tin cậy. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị ghi nhận tăng thêm này và trình bày lại khoản mục “Đầu tư vào công ty con” đầu kỳ với số tiền tương ứng là 2.148.000.000 VND, chi tiết được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2019	Chênh lệch
	(Trình bày lại)	(Đã báo cáo)	
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Đầu tư vào công ty con	25.971.572.080	23.823.572.080	2.148.000.000
Chi tiết đầu tư tại Công ty Cổ phần	8.316.000.000	6.168.000.000	2.148.000.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

STT	Tên công ty con/công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
1	Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3	Công ty Cổ phần Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lỗ
4	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh có lãi
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lỗ
6	Công ty TNHH ADOP Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lỗ
7	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh có lỗ
8	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lỗ
9	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Chưa hoạt động

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tiki	35.843.077.574	-
REVV Corporation Inc	3.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Thể thao Điện tử Việt Nam	3.445.436.063	3.875.997.095
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	3.322.634.897	2.085.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dược khoa Sài Gòn	3.191.832.967	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	2.931.853.746	3.294.041.957
Công ty Cổ phần đầu tư Vega Fintech	1.001.832.647	310.740.768
Các khách hàng khác	11.002.341.428	29.090.884.635
	64.589.009.322	38.656.664.455
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	538.767.842	227.087.794
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	538.767.842	227.087.794

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng CIENCO 1	5.084.557.908	3.549.090.908
Các đối tượng khác	594.708.128	108.062.800
	5.679.266.036	3.657.153.708

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi hệ tiền dịch vụ quảng cáo trực tuyến	-	39.089.005
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	33.763.797.311	19.095.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.554.892.909	1.406.548.939
Phải thu khác	5.175.956	2.046.956
	35.323.866.176	1.466.779.900
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	40.747.472.980	597.127.500
	40.747.472.980	597.127.500

(i) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược chủ yếu là các khoản cầm cố tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2020 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 18. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm và mã số CTG2028T2/02-119 với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.
- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á theo hợp đồng số 04,05,06/2016/HĐTG.Tlong với tổng giá trị cầm cố là 10.087.391.042 VND, và hợp đồng số 807058637200004-05 với tổng giá trị cầm cố là 15.000.000.000 VND, lãi suất 7,9%-8%/năm.
- Toàn bộ tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 7.916.608.238 VND, lãi suất dao động từ 6,5%-6,8%/năm.
- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Citibank với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 500.000.000 VND, lãi suất 4%/năm.

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Minh Thành Phát	195.949.280	-	195.949.280	195.949.280	-	195.949.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	89.444.768	-	89.444.768	89.444.768	-	89.444.768
Công ty TNHH Ila Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	66.734.809	-	66.734.809
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt thự	53.745.958	-	53.745.958	-	-	-
Công ty TNHH Gogala	50.913.079	-	50.913.079	50.913.079	-	50.913.079
Công ty TNHH Khu Du lịch Vịnh Thiên Đường	45.100.000	-	45.100.000	45.100.000	-	45.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	41.454.545	-	41.454.545
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công trình nghỉ dưỡng S.P.A	31.350.000	-	31.350.000	31.350.000	-	31.350.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	28.235.477	-	28.235.477	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trường Sa	23.760.000	-	23.760.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt thự	-	-	-	20.745.958	-	20.745.958
Công ty TNHH Giáo dục Wisdomland	11.000.000	-	11.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Mum Việt	10.330.380	-	10.330.380	10.330.380	-	10.330.380
	648.018.296	-	648.018.296	552.022.819	-	552.022.819

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.287.821.704	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tiki	19.767.528.284	-	-	-
- Khác	3.520.293.420	-	-	-
	23.287.821.704	-	-	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	71.391.930	4.039.700
	71.391.930	4.039.700
b. Dài hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	736.744.211	1.375.006.212
Chi phí sửa chữa văn phòng	856.175.701	513.231.175
Khác	6.690.167	14.732.408
	1.599.610.079	1.902.969.795

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Cho vay ngắn hạn	500.000.000	-
Công ty Cổ phần cMetric	500.000.000	-
b. Cho vay dài hạn	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome	500.000.000	-
	1.000.000.000	-

Khoản cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần cMetric với lãi suất 0%, kỳ hạn 2 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

Khoản cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome với lãi suất 10%/năm, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2020, Công ty có quyền lựa chọn chuyển đổi toàn bộ nợ gốc và lãi vay cho toàn bộ kỳ hạn vay thành cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome trong trường hợp số tiền gốc vay và lãi vay không được thanh toán đầy đủ khi khoản vay đáo hạn.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện	Thiết bị, dụng cụ	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	11.815.557.181	336.593.455	12.152.150.636
Số dư cuối kỳ	11.815.557.181	336.593.455	12.152.150.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	6.198.251.162	312.807.380	6.511.058.542
Khấu hao trong kỳ	1.041.511.868	14.829.544	1.056.341.412
Số dư cuối kỳ	7.239.763.030	327.636.924	7.567.399.954
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	5.617.306.019	23.786.075	5.641.092.094
Tại ngày cuối kỳ	4.575.794.151	8.956.531	4.584.750.682

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.506.927.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.506.927.000 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	<u>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	8.504.095.553
Tăng trong kỳ	<u>37.351.520.915</u>
Số dư cuối kỳ	<u>45.855.616.468</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>8.504.095.553</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>45.855.616.468</u>

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp bất động sản này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

- Sàn dịch vụ thương mại tầng 1 tại tòa nhà Chung cư Bohemia, số 25 Nguyễn Huy Tưởng phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Biệt thự hình thành trong tương lai - Khu Biệt Thự Đảo tại khu đô thị Ecopark, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Do đây là các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong kỳ cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.529.040.379	31.610.427.403	31.028.418.705	4.111.049.077
Thuế thu nhập	4.211.565.762	6.206.592.404	6.168.975.072	4.249.183.094
Thuế thu nhập cá nhân	-	142.607.419	59.256.115	83.351.304
	7.740.606.141	37.959.627.226	37.256.649.892	8.443.583.475

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
Công ty TNHH Google Ireland	48.691.571.426	48.691.571.426	4.581.256.132	4.581.256.132
Công ty TNHH Facebook Ireland	19.475.018.825	19.475.018.825	19.449.044.730	19.449.044.730
Các đối tượng khác	766.363.900	766.363.900	2.572.375.031	2.572.375.031
	68.932.954.151	68.932.954.151	26.602.675.893	26.602.675.893

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Tài chính LGC	403.893.250	149.365.416
Đại học Quốc gia Hà Nội	332.332.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn điện lực Việt Úc	311.107.500	-
Công ty Cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt Nga	256.835.248	84.915.436
Công ty TNHH Grab	253.956.625	313.500.000
Các đối tượng khác	4.260.959.236	1.827.858.512
	5.819.083.859	2.226.273.948
Trả trước từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	2.027.767.234	-
	2.027.767.234	-

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Tăng	Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	23.466.222.064	23.466.222.064	100.310.534.550	60.921.659.031	62.855.097.583	62.855.097.583	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm (ii)	-	-	16.304.102.256	8.845.413.965	7.458.688.291	7.458.688.291	
Công ty Cổ phần Đầu tư mạo hiểm Thung lũng Việt	-	-	1.850.000.000	1.850.000.000	-	-	
Dư nợ tín dụng							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	4.111.488.911	4.111.488.911	43.509.998.499	42.898.422.898	4.723.064.512	4.723.064.512	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	884.198.681	884.198.681	2.056.612.605	2.940.811.286	-	-	
Citibank (iv)	-	-	225.745.131	16.160.000	209.585.131	209.585.131	
	28.461.909.656	28.461.909.656	164.256.993.041	117.472.467.180	75.246.435.517	75.246.435.517	

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 003/2020-HĐCVHM/NHCT140-CLEVERADS ký ngày 12 tháng 6 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 28.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2020. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,8%/năm như được trình bày tại Thuyết minh số 8. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản mà Công ty đang nắm giữ với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8.504.095.553 VND (xem Thuyết minh số 14), và được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ký ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Ngân hàng và Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 5.010.000.000 VND, và hợp đồng tiền gửi số 807058637200004 và 807058637200005 tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Thăng Long, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 15.000.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2020-HĐCVTL/NHCT140-CLEVERAD GROUP ký ngày 25 tháng 9 năm 2020 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5%/ năm như được trình bày tại Thuyết minh số 8. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ký ngày 24 tháng 09 năm 2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 35.000.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 41303.19.061.5601569.TD ký ngày 09 tháng 12 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, chịu lãi suất 4,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số 04/2019/HĐTG.TLong; 05/2019/HĐTG.TLong và 06/2019/HĐTG.TLong tại ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Thăng Long, Tổng giá trị tài sản bảo đảm là 10.087.391.042 VNĐ như được trình bày tại Thuyết minh số 8.
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 5.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 500.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	239.662.988	272.992.806
Phải trả về nghĩa vụ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (i)	300.000.000	2.148.000.000
Phải trả khác	45.586.262	-
	585.249.250	2.420.992.806

- (i) Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh, khi các khoản điều chỉnh giá phí hợp nhất kinh doanh trở nên chắc chắn và giá trị điều chỉnh có thể xác định được một cách đáng tin cậy thì khoản xem xét bổ sung sẽ được coi là khoản điều chỉnh vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Trong 9 tháng đầu năm 2020, khoản nghĩa vụ Công ty phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Orion Media với số tiền là 2.148.000.000 VND đã được xác định một cách chắc chắn và đáng tin cậy. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị ghi nhận tăng thêm này và trình bày lại trên khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" đầu kỳ với số tiền tương ứng là 2.148.000.000 VND.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	-	24.315.172.368	74.315.172.368
Tăng vốn trong kỳ	24.000.000.000	-	(24.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	17.051.353.838	17.051.353.838
Số dư cuối kỳ trước	74.000.000.000	-	17.366.526.206	91.366.526.206
Số dư đầu kỳ này	74.000.000.000	-	35.240.783.348	109.240.783.348
Tăng vốn trong kỳ	106.003.330.000	34.940.000	(34.444.040.000)	71.594.230.000
Trong đó:				
- Tăng vốn điều lệ (i)	8.880.000.000	60.867.960.000	-	69.747.960.000
- Phát hành cổ phiếu ESOP (ii)	1.846.270.000	-	-	1.846.270.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	34.444.040.000	-	(34.444.040.000)	-
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (iv)	60.833.020.000	(60.833.020.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	23.882.006.913	23.882.006.913
Số dư cuối kỳ này	180.003.330.000	34.940.000	24.678.750.261	204.717.020.261

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 17 tháng 01 năm 2020, Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ trị giá 8.880.000.000 VND với mục đích phục vụ hoạt động mua bán sáp nhập, đầu tư vào doanh nghiệp tiềm năng cũng như bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần với giá trị 60.867.960.000 VND với mục đích tăng vốn cổ phần.
- Phát hành cổ phiếu trị giá 1.852.770.000 VND với mục đích động viên, đãi ngộ người lao động trong Công ty.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán 888.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phần cho nhà đầu tư Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd với giá bán 78.545 VND/cổ phiếu. Tổng số tiền thu thực tế từ việc chào bán cổ phiếu là 69.748.153.846 VND, chênh lệch với số tiền thu dự kiến 193.846 VND do chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào thu nhập khác của Công ty. Theo thông báo số 237/TB-SNDHN ngày 25 tháng 3 năm 2020 từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 888.000 cổ phiếu trên căn cứ theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- (ii) Ngày 10 tháng 7 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 184.627 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 1.846.270.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 17 tháng 1 năm 2020.
- (iii) Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành 3.444.404 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-

ĐHĐCĐ.ADG ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định Hội đồng Quản trị số 08/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 7 tháng 05 năm 2020.

- (iv) Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành 6.083.302 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần theo phương thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định Hội đồng Quản trị số 08/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Theo thông báo số 895/TB-SNDHN ngày 03 tháng 9 năm 2020 từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu từ các đợt phát hành (ii), (iii) và (iv) với tổng số là 9.712.333 cổ phiếu trên căn cứ theo Quyết định số 455/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.333	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.333	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.000.333</i>	<i>7.400.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.333	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.000.333</i>	<i>7.400.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi lần thứ 18 ngày 18 tháng 8 năm 2020), vốn điều lệ của Công ty là 180.003.330.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 74.000.000.000 VND).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu kỳ VND	Tỷ lệ VND
Yello Digital Marketing Global Pte. LTD	72.399.520.000	40,22%	24.794.200.000	33,51%
Ông Nguyễn Khánh Trình	47.885.710.000	26,60%	22.242.920.000	30,06%
CyberAgent Capital Inc.	1.510.760.000	0,84%	1.111.820.000	1,50%
Ông Dư Khắc Châu	1.603.960.000	0,89%	740.000.000	1,00%
Các cổ đông khác	56.603.380.000	31,45%	25.111.060.000	33,93%
	180.003.330.000	100%	74.000.000.000	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	911	1.125

Tài sản thuê ngoài		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
		VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:			
Từ 1 năm trở xuống		3.793.396.400	2.703.810.000
Trên 1 năm đến 5 năm		10.049.938.620	10.815.240.000
		13.843.335.020	13.519.050.000
22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ			
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		946.287.889	741.764.804
Chi phí nhân công		13.681.656.439	12.502.715.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định		754.143.916	721.286.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài		185.964.655.874	192.455.801.985
Chi phí khác bằng tiền		464.076.705	157.626.429
		201.810.820.823	206.579.195.768
23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay		7.986.463.892	2.135.555.218
Lãi chênh lệch tỷ giá		169.467.419	12.611.333
		8.155.931.311	2.148.166.551
24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		3.214.045.112	-
Chi phí lãi vay		1.033.383.895	140.547.330
		4.247.429.007	140.547.330
25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP			
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh			
Chi phí nhân công		2.558.701.069	1.954.626.920
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		946.287.889	741.764.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định		754.143.916	721.286.757
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi		95.995.477	354.271.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài		4.070.411.194	3.152.886.090
Chi phí khác bằng tiền		410.662.487	152.231.922
		8.836.202.032	7.077.068.305
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ			
Chi phí nhân công		7.745.286.719	6.614.992.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài		205.460.596	146.240.331
Chi phí khác bằng tiền		14.178.741	5.394.507
		7.964.926.056	6.766.627.349

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.206.592.404	4.333.677.318
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.206.592.404	4.333.677.318

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	30.088.599.317	21.385.031.156
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>944.362.705</i>	<i>283.355.436</i>
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	31.032.962.022	21.668.386.592
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	31.032.962.022	21.668.386.592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.206.592.404	4.333.677.318

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132-136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.056.600 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2020.
- Tổng số tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.952.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 16 tháng 7 năm 2020.

Cam kết vốn

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tổng mức đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Khánh Trình	Cổ đông chính
Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần PT Cleverads	Công ty con
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	Công ty con
Công ty TNHH ADOP Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Orion Media	Công ty con
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Công ty con
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần JobsGo	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
BEHAVE GLOBAL INC.	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.081.143.588	11.710.254.739
Công ty Cổ phần PT CleverAds	1.001.547.287	2.211.632.940
Công ty Cổ phần JobsGo	909.444.150	1.137.504.522
CleverAds Philippines Corporation	842.824.772	7.710.038.041
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	722.114.132	456.198.593
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	711.008.869	194.880.643
BEHAVE GLOBAL INC.	546.982.901	-
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	244.362.166	-
Công ty Cổ phần Orion Media	97.252.775	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	5.606.536	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.396.396.308	109.635.779
Công ty Cổ phần JobsGo	101.869.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	1.120.128.480	43.800.000
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	174.398.828	56.835.779
Trả gốc vay	1.850.000.000	6.700.000.000
Công ty Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	1.850.000.000	-
Nguyễn Khánh Trình	-	6.700.000.000
Nhận tiền vay	1.850.000.000	6.700.000.000
Công ty Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	1.850.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	-	6.700.000.000
Nhận vốn góp	69.747.960.000	24.000.000.000
Yello Digital Marketing Global Pte Ltd	69.747.960.000	24.000.000.000
Góp vốn	4.098.000.000	-
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	2.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Orion Media	1.848.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng	538.767.842	227.087.794
Công ty Cổ phần JobsGo	302.362.709	195.635.283
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	174.994.593	-
Công ty cổ phần Review Thông Minh	55.023.357	-
Công ty Cổ phần Orion Media	5.767.300	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	619.883	-
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	-	31.452.511
Ứng trước cho nhà cung cấp	-	7.607.600
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	-	7.607.600
Người mua trả tiền trước	2.027.767.234	-
Công ty Cổ phần PT CleverAds	1.946.037.234	-
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	56.430.000	-
Công ty TNHH ADOP Việt Nam	25.300.000	-
Phải thu khác	-	39.089.005
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	-	39.089.005

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.409.200.000	1.019.240.000
Số phải thu từ Ban Giám đốc	1.409.200.000	1.019.240.000

29. THÔNG TIN KHÁC

Trong quý một năm 2020, dịch COVID-19 bắt nguồn tại Trung Quốc đã lan rộng sang nhiều quốc gia, gây ảnh hưởng trên diện rộng, tạo ra nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh đối với hoạt động Công ty và thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020